TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 202/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 514A/3, ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số nhà 2/52, khu phố BĐ 4, phường AB, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: 514A/3, ấp ĐT, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Số nhà 102/5, khu phố KH, phường TPK, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2007, quyển số 01/TP ngày

20/4/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông V không chung thủy và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Bà B và ông V có một 02 con chung là Nguyễn Đỗ Quang Tr, sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Đỗ Hoàng D, sinh ngày 25/10/2007. Khi ly hôn, bà B yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Đỗ Quang Tr, giao con chung Nguyễn Đỗ Hoàng D cho ông V nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/5/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà B về thời gian chung sống và thời gian kết hôn. Không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn, ông V xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, bà B không quan tâm chăm sóc gia đình. Do vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà Bằng về quan hệ hôn nhân ông V đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông V không đồng ý để bà Bằng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đỗ Quang Tr, sinh ngày 21/01/2010. Ông V yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đỗ Quang Tr, sinh ngày 21/01/2010 và Nguyễn Đỗ Hoàng D, sinh ngày 25/10/2007 vì bà B không có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định để chăm sóc con chung. Trường hợp bà B chứng minh được thu nhập thực tế, điều kiện kinh tế, nơi ở thì ông V đồng ý để bà B nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án và còn trong thời hạn giải quyết. Về việc tuân theo pháp luật thì Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau vào năm 2007 UBND xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2007, quyển số 01/TP ngày 20/4/2007, là hôn nhân hợp pháp. Bà B xác định vợ chồng không còn sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Ông V đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông V. Về con chung, bà B yêu cầu nuôi con chung Nguyễn

Đỗ Quang Tr, giao con chung Nguyễn Đỗ Hoàng D cho ông V nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau vào năm 2007 UBND xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38/2007, quyển số 01/TP ngày 20/4/2007, là hôn nhân hợp pháp. Bà B và ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà B và ông V có 02 con chung. Bà B yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Đỗ Quang Tr, sinh ngày 21/01/2010. Ông V yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà B và ông V xác định con chung Nguyễn Đỗ Quang Tr và Nguyễn Đỗ Hoàng D không sống cùng bà B và ông V mà do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, bà B mới đưa 02 con chung sống cùng bà B từ cuối tháng 5/2018. Xét thấy, con Nguyễn Đỗ Quang Tr có nguyện vọng sống cùng bà B, đối với con chung Nguyễn Đỗ Hoàng D, bà B đồng ý để ông V nuôi dưỡng vì cháu có nguyện vọng sống cùng bố và hiện tại việc học của cháu đang ổn định không muốn sự thay đổi, ảnh hưởng đến việc học hành của cháu D. Do vậy, yêu cầu nuôi con chung của bà B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị B phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 246, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhận: Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Hoàng V thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Tuyên xử:

2.1 Về con chung: Bà Đỗ Thị B được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đỗ Quang Tr, sinh ngày 21/01/2010. Ông Nguyễn Hoàng V được quyền nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đỗ Hoàng D, sinh ngày 25/10/2007. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.2 Bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Hoàng V đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bà Bằng và ông Vốn được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013938 ngày 09/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết